

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16/6/2020

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mận

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đỗ Xuân Tôn và ông Nguyễn Văn Đợi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:** ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mông Đàm K, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn 4, xã Đăk Rla, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Tô Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn 4, xã Đăk Rla, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/8/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Anh Mông Đàm K trình bày: Vào năm 2015 Anh K, Chị H đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đăk Rla, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc với nhau được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, không ai quan tâm đến ai hết. Do đó, anh, chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Anh Mông Đàm K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tô Thị H.

Về con chung: Anh K, Chị H không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- Đối với bị đơn chị Tô Thị H: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với chị Tô Thị H nhưng Chị H vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Chị Tô Thị H cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn đối với chị Tô Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn Anh Mông Đàm K đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Mông Đàm K, Anh Mông Đàm K được ly hôn với chị Tô Thị H; về con chung: không có nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh Mông Đàm K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ tranh chấp: Anh Mông Đàm K yêu cầu xin ly hôn với chị Tô Thị H, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Tô Thị H có đăng ký HKTT tại thôn 04, xã Đắk Rlă, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Tô Thị H hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị Tô Thị H cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan (Vắng mặt không có lý do chính đáng) gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của Chị H đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Chị Tô Thị H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Tô Thị H là phù hợp.

Ngày 24/4/2020, Anh Mông Đàm K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt Anh Mông Đàm K là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

## **2. Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Thị H và Anh Mông Đàm K là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Giữa Anh K và Chị H không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh K cũng thừa nhận, cả hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, anh thực sự không còn tình cảm với Chị H, không muốn tiếp tục chung sống với Chị H và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của Anh K và giải quyết Anh K được ly hôn với Chị H.

[2.2] Về con chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Anh Mông Đàm K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của Anh Mông Đàm K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mông Đàm K được ly hôn với chị Tô Thị H.
2. Về quan hệ con chung: các đương sự không có con chung nên không xem xét, giải quyết.
3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Anh Mông Đàm K phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh Mông Đàm K đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001933 ngày 19/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh N.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã R;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Mận**